

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-3-2023

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đê.

2. Ông Huỳnh Minh Nhì.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại các điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn Thứ Mười Một, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang) và điểm cầu thành phần tại số 489, Ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; vụ án thụ lý số 168/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị H, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp II, xã H, huyện H, tỉnh An Giang. Có mặt tại điểm cầu thành phần số 489, Ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Anh G, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh chị đi làm chung rồi quen biết nhau, cưới nhau năm 2009, đăng ký kết hôn năm 2017. Sau khi cưới nhau về An Minh sinh sống, anh G đi ghe biển, chị H ở nhà nội trợ. Anh G đi Vũng Tàu làm rồi sống chung với người phụ nữ khác, hiện nay anh G đã có con với người đó được hơn một tuổi. Lúc anh G quen người phụ nữ đó thì chị bắt gặp ở Vũng Tàu và anh chị ly thân đến nay khoảng 06 năm.

Hiện tại vợ chồng có một người con chung là T, sinh ngày 04/11/2010, đang sống chung với chị H. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Hiện tại chị H đang làm công nhân cho công ty, lương tháng 12.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng. Không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác.

- Bị đơn là anh G vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao con cho chị H nuôi. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H yêu cầu được ly hôn và giải quyết quyền nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và nuôi con”.

Anh G đã được triệu tập hợp lệ để hòa giải hai lần nhưng vắng mặt; chị H yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh G cũng được triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G.

Chị H có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Năm 2017 anh G và chị H đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân cách nay hơn 06 năm. Chị H xác định tình cảm không còn, không thể quay lại sống chung được nữa nên yêu cầu ly hôn.

Anh G đi làm thuê không về tham gia hòa giải và xét xử được. Qua xác minh thì ông Đ là cha ruột của anh G cho biết: Anh G và chị H mâu thuẫn và sống ly thân hơn 03 năm, anh G có vợ khác và có con riêng khoảng 02 tuổi.

[3] Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, anh G không về tham gia hòa giải nên Tòa án không động viên anh chị hàn gắn được. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại anh G đã sống với người khác và có con riêng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị H được ly hôn với anh G.

[4] Chị H trình bày có một người con chung là T, sinh ngày 04/11/2010, đang sống chung với chị H; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Chị H có đủ điều kiện nuôi con, từ trước đến nay chị H chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt và cháu T cũng có nguyện vọng sống chung chị H. Anh G không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị H trình bày không tài sản và nợ chung, hiện tại không yêu cầu cấp dưỡng; không yêu cầu vấn đề gì khác, anh G không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh G. Cho chị H được ly hôn với anh G.

2- Về con chung: Giao T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người trực tiếp nuôi con vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000941 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên G.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên G;
- VKSND tỉnh Kiên G;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận